

Trường: Agentra

Tổ: Công nghệ thông tin

Họ và tên giáo viên: Phúc Hảo

LỊCH SỬ HIỆN THỰC VÀ LỊCH SỬ ĐƯỢC NHẬN THỨC

Môn: Lịch sử Lớp: 10

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học, học sinh:

- Phân biệt được khái niệm *lịch sử hiện thực* và *lịch sử được nhận thức*.
- Hiểu được rằng lịch sử hiện thực là toàn bộ những gì đã xảy ra trong quá khứ, tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người.
- Nhận biết được lịch sử được nhận thức là những hiểu biết, tái hiện của con người về quá khứ thông qua các nguồn sử liệu, công trình nghiên cứu, tác phẩm nghệ thuật và các phương tiện truyền thông.
- Lí giải được mối quan hệ giữa lịch sử hiện thực và lịch sử được nhận thức: lịch sử hiện thực là cơ sở khách quan; lịch sử được nhận thức luôn tiệm cận lịch sử hiện thực nhưng không bao giờ hoàn toàn trùng khớp.

2. Về năng lực

a) Năng lực chung

- **Năng lực tự học, tự chủ:** Chủ động đọc sách giáo khoa, tự rút ra đặc trưng và ví dụ cho từng khái niệm; hoàn thành phiếu học tập theo đúng yêu cầu.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Làm việc cặp đôi để thảo luận, trình bày quan điểm về sự khác biệt giữa hai loại lịch sử; lắng nghe và phản hồi tích cực ý kiến của bạn học.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Phân tích tình huống thực tiễn để nhận diện đâu là lịch sử hiện thực, đâu là lịch sử được nhận thức; đặt câu hỏi phê phán về độ tin cậy của nguồn thông tin.

b) *Năng lực đặc thù môn Lịch sử*

- **Tìm hiểu lịch sử:** Biết khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu đa dạng (văn bản, hình ảnh, hiện vật, tư liệu số) để nhận thức về quá khứ.
- **Nhận thức và tư duy lịch sử:** So sánh, đối chiếu hai khái niệm; nhận ra tính chủ quan trong nhận thức lịch sử của sử gia; hiểu rằng cùng một sự kiện có thể được ghi chép và giải thích theo nhiều cách khác nhau.
- **Vận dụng kiến thức, kĩ năng:** Lấy được ví dụ thực tiễn minh họa từng khái niệm; bước đầu đánh giá độ tin cậy của một nguồn thông tin lịch sử.

c) *Năng lực số phát triển qua bài*

- **Khai thác và đánh giá thông tin số:** Học sinh sử dụng thiết bị kết nối internet để tìm kiếm thông tin về một sự kiện lịch sử, nhận diện nguồn thông tin đó là *lịch sử được nhận thức*, và bước đầu đánh giá độ tin cậy dựa trên các tiêu chí: tác giả, tổ chức phát hành, dẫn chứng sử liệu, ngày đăng.

3. Về phẩm chất

- **Trung thực:** Nhìn nhận lịch sử một cách khách quan, dựa trên bằng chứng xác thực; không cố tình xuyên tạc hay bóp méo sự thật lịch sử.
- **Trách nhiệm:** Có ý thức trân trọng di sản lịch sử; có trách nhiệm với việc truyền bá thông tin lịch sử chính xác trong cuộc sống hằng ngày và trên môi trường mạng.
- **Yêu nước:** Tự hào về lịch sử dân tộc; mong muốn tìm hiểu và gìn giữ ký ức lịch sử của cộng đồng.
- **Ham học hỏi:** Chủ động tìm tòi, đặt câu hỏi để hiểu sâu hơn về quá khứ; không thụ động tiếp nhận thông tin một chiều.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- **Giáo viên:**
 - Sách giáo khoa Lịch sử 10 (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống hoặc Cánh Diều).
 - Máy chiếu, máy tính; bộ slide trình chiếu có hình ảnh minh họa: di tích Cố đô Huế, trang bản đồ trong *Đại Nam nhất thống chí*, ảnh chụp sự kiện lịch sử, poster phim tài liệu về Điện Biên Phủ.

- Phiếu học tập so sánh hai khái niệm (bảng 3 tiêu chí, 2 cột), in sẵn cho mỗi học sinh.
- Phiếu nhanh 3 dòng dùng cho hoạt động vận dụng.
- Thẻ màu xanh/đỏ (hoặc giấy A5 cắt sẵn) dùng cho hoạt động luyện tập.

• **Học sinh:**

- Sách giáo khoa Lịch sử 10, vở ghi.
- Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng có kết nối internet (dùng ở hoạt động vận dụng).
- Thẻ màu và phiếu học tập do giáo viên phát tại lớp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu (5 phút)

a) Mục tiêu: Tạo tình huống khởi động, kích thích sự tò mò của học sinh về sự khác biệt giữa *những gì đã thực sự xảy ra* và *những gì chúng ta biết về nó*; từ đó dẫn dắt tự nhiên vào bài học mới.

b) Nội dung: GV tổ chức trò chơi “Điện thoại võ”: một câu chuyện ngắn (3–4 câu) về một sự kiện đơn giản được truyền miệng qua 6 học sinh ngồi liên tiếp; học sinh cuối ghi lại nội dung nhận được lên bảng, sau đó so sánh với câu chuyện gốc do GV đọc lại.

c) Sản phẩm: Học sinh nhận ra rằng thông tin bị thay đổi khi truyền qua nhiều người trong thời gian ngắn; từ đó hình thành câu hỏi nhận thức: *Lịch sử trải qua hàng trăm, hàng nghìn năm thì liệu còn được ghi lại đúng như những gì đã xảy ra không?*

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV mời 6 HS lên đứng thành hàng dọc; đọc nhỏ câu chuyện vào tai HS đầu tiên. - GV yêu cầu từng HS truyền lại câu chuyện (chỉ nói một lần, không nhắc lại) cho người kế tiếp theo hiệu lệnh.	- HS nhận nhiệm vụ, sẵn sàng tham gia; cả lớp theo dõi.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - 6 HS lần lượt truyền tin trong im lặng. - HS cuối viết nội dung nhận được lên bảng con hoặc tờ giấy lớn.	- HS truyền tin; cả lớp quan sát và ghi nhận sự thay đổi qua từng người.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS cuối đọc to nội dung đã viết. - GV đọc lại câu chuyện gốc; mời cả lớp chỉ ra những chi tiết đã bị thay đổi, thêm vào hoặc mất đi.	- HS chỉ ra được ít nhất 2–3 điểm khác biệt; phát biểu lí do vì sao thông tin bị sai lệch.
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV dẫn dắt: nếu thông tin truyền trong vài giây đã có thể sai lệch, thì lịch sử hàng trăm năm được ghi chép và truyền lại qua nhiều thế hệ sẽ thế nào? - GV nêu tên bài học: <i>Lịch sử hiện thực và lịch sử được nhận thức</i> .	- HS hình thành câu hỏi nhận thức: Lịch sử thực sự đã xảy ra và những gì chúng ta đang biết về nó có hoàn toàn giống nhau không?

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (25 phút)

a) Mục tiêu:

- Học sinh trình bày được khái niệm *lịch sử hiện thực* và *lịch sử được nhận thức* kèm đặc điểm cốt lõi.
- Phân biệt được hai khái niệm qua ví dụ cụ thể.
- Lí giải được mối quan hệ giữa lịch sử hiện thực và lịch sử được nhận thức.

b) Nội dung:

GV tổ chức học sinh nghiên cứu sách giáo khoa kết hợp thảo luận cặp đôi để hoàn thành phiếu học tập so sánh. Nội dung cốt lõi cần hình thành:

- Lịch sử hiện thực:** Toàn bộ những hoạt động của con người và xã hội loài người trong quá khứ đã thực sự diễn ra; tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý chí của ai và không thể thay đổi. Ví dụ: trận Bạch Đằng năm 938 thực sự đã xảy ra, Ngô Quyền đã chiến thắng quân Nam Hán, đó là sự thật dù không ai còn sống để kể lại trực tiếp.
- Lịch sử được nhận thức:** Những hiểu biết, tái hiện, giải thích của con người về lịch sử hiện thực thông qua sử liệu và nghiên cứu; mang tính chủ quan, phụ thuộc vào góc

nhìn, phương pháp và nguồn tư liệu của sử gia; có thể chưa đầy đủ hoặc có sai lệch. Ví dụ: các bộ chính sử, tiểu thuyết lịch sử, phim tài liệu, bài báo, bài đăng trên mạng về cùng một sự kiện.

- **Mối quan hệ:** Lịch sử hiện thực là cơ sở khách quan, bất biến. Lịch sử được nhận thức là sự phản ánh của con người, ngày càng tiệm cận lịch sử hiện thực nhờ phương pháp khoa học và nguồn sử liệu phong phú hơn, nhưng không bao giờ hoàn toàn trùng khớp.

c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập so sánh đã hoàn chỉnh (3 tiêu chí, 2 cột); học sinh trình bày miệng được định nghĩa và ví dụ của mỗi khái niệm; sơ đồ mối quan hệ giữa hai khái niệm do GV vẽ lên bảng chốt lại cuối hoạt động.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát phiếu học tập có bảng so sánh 3 tiêu chí (khái niệm, đặc điểm, ví dụ) với 2 cột <i>Lịch sử hiện thực</i> và <i>Lịch sử được nhận thức</i>. - GV chiếu 3 hình ảnh: (1) di tích Cố đô Huế; (2) trang bản đồ trong <i>Đại Nam nhất thống chí</i>; (3) poster phim tài liệu về Điện Biên Phủ. Yêu cầu HS đặt câu hỏi: mỗi hình thuộc loại lịch sử nào? - HS thảo luận cặp đôi, đọc SGK và hoàn thành phiếu trong 8 phút.	- HS nhận phiếu học tập, quan sát hình ảnh và bắt đầu thảo luận cặp đôi.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc SGK mục tương ứng, trao đổi cặp đôi và điền vào phiếu: khái niệm, đặc điểm, ít nhất 2 ví dụ cho mỗi loại. - GV quan sát, gợi ý bằng câu hỏi dẫn dắt: “<i>Sự kiện đã xảy ra có thể bị xóa bỏ không? Tại sao các nhà sử học lại có thể đưa ra kết luận khác nhau về cùng một sự kiện?</i>”	- HS hoàn thành phiếu so sánh với đầy đủ 3 tiêu chí; nhận ra đặc điểm khách quan của lịch sử hiện thực và tính chủ quan của lịch sử được nhận thức.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - 2–3 cặp HS trình bày kết quả; các cặp còn lại nhận xét và bổ sung. - GV đặt câu hỏi mở rộng: <i>“Cùng một sự kiện, tại sao sách sử của các nước khác nhau lại mô tả khác nhau? Điều đó nói lên điều gì về lịch sử được nhận thức?”</i> - HS phát biểu quan điểm về tính chủ quan của nhận thức lịch sử.	- HS rút ra: lịch sử được nhận thức phụ thuộc vào góc nhìn, phương pháp và nguồn sử liệu của người ghi chép; do đó có thể khác nhau ở từng thời đại và từng quốc gia.
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức, vẽ sơ đồ lên bảng thể hiện mối quan hệ: <i>Lịch sử hiện thực</i> (vòng tròn lớn, bất biến) bao quanh <i>Lịch sử được nhận thức</i> (vòng tròn nhỏ, ngày càng mở rộng). - GV nhấn mạnh: nhiệm vụ của sử học là thu hẹp khoảng cách giữa hai vòng tròn đó.	Kết luận: <i>Lịch sử hiện thực</i> là những gì thực sự đã xảy ra; khách quan, bất biến. <i>Lịch sử được nhận thức</i> là sự phản ánh, tái hiện của con người; chủ quan, có thể sai lệch hoặc chưa đầy đủ. Mối quan hệ: Lịch sử hiện thực là cơ sở; nhận thức lịch sử ngày càng tiệm cận hiện thực nhờ phương pháp khoa học nhưng không bao giờ hoàn toàn trùng khớp.

Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố và khắc sâu sự phân biệt giữa lịch sử hiện thực và lịch sử được nhận thức thông qua việc phân loại các trường hợp cụ thể; luyện kĩ năng lập luận và giải thích tiêu chí phân loại.

b) Nội dung: GV tổ chức trò chơi phân loại nhanh: chiếu lên màn hình lần lượt 6 trường hợp (câu mô tả ngắn), học sinh giơ thẻ màu đồng loạt theo hiệu lệnh (thẻ xanh = lịch sử hiện thực; thẻ đỏ = lịch sử được nhận thức), sau đó giải thích lí do. GV chốt đáp án và phân tích từng trường hợp.

Sáu trường hợp luyện tập:

1. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra năm 40 sau Công nguyên.
2. Cuốn *Đại Việt sử ký toàn thư* do Ngô Sĩ Liên biên soạn thế kỷ XV.
3. Nhà Trần ba lần đánh bại quân Mông – Nguyên trong thế kỷ XIII.
4. Bộ phim truyện lịch sử *Đất rừng phương Nam* phiên bản điện ảnh năm 2023.
5. Chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7 tháng 5 năm 1954.
6. Bài viết của một nhà sử học người Pháp đánh giá về phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX.

c) Sản phẩm: Học sinh phân loại đúng ít nhất 5/6 trường hợp và giải thích được lí do cho ít nhất 2 trường hợp dựa vào tiêu chí khách quan/chủ quan đã học.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn quy tắc: khi GV chiếu câu mô tả, HS suy nghĩ độc lập trong 10 giây, sau đó giơ thẻ màu đồng loạt theo hiệu lệnh “Giơ thẻ!”. - GV phát thẻ màu (hoặc nhắc HS dùng giấy A5 xanh/đỏ đã chuẩn bị).	- HS nắm rõ quy tắc trò chơi; sẵn sàng thẻ màu trên tay.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV chiếu từng câu trong 6 trường hợp; HS suy nghĩ độc lập rồi giơ thẻ theo hiệu lệnh. - GV chỉ định 1–2 HS giải thích lí do sau mỗi câu. - GV ghi nhanh số lượng HS chọn mỗi loại lên bảng để cả lớp thấy phân bố ý kiến.	- HS giơ thẻ và trình bày được lí do dựa vào đặc điểm khách quan hay chủ quan của từng trường hợp.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Với các câu có ý kiến phân chia (đặc biệt câu 4 và câu 6), GV mời đại diện hai phía trình bày lập luận. - Cả lớp thảo luận nhanh để thống nhất đáp án. - GV đặt câu hỏi nâng cao: <i>“Trường hợp nào khó phân loại nhất? Vì sao?”</i>	- HS nhận ra ranh giới tinh tế: bản thân sự kiện là hiện thực, nhưng cách mô tả, đánh giá và tái hiện sự kiện đó chính là lịch sử được nhận thức.
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV công bố và giải thích đáp án đầy đủ; khen ngợi HS giải thích tốt. - GV nhắc lại tiêu chí phân biệt then chốt: sự kiện đã thực sự xảy ra (khách quan) hay là sự ghi chép, phân tích, tái hiện của con người về sự kiện đó (chủ quan)?	Đáp án: (1) Lịch sử hiện thực; (2) Lịch sử được nhận thức; (3) Lịch sử hiện thực; (4) Lịch sử được nhận thức; (5) Lịch sử hiện thực; (6) Lịch sử được nhận thức. Tiêu chí cốt lõi: Lịch sử hiện thực = sự kiện đã xảy ra; lịch sử được nhận thức = con người ghi chép, phân tích, tái hiện sự kiện đó.

Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)

a) Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng kiến thức vào tình huống thực tiễn: nhận diện lịch sử được nhận thức trong môi trường số và bước đầu đánh giá độ tin cậy của nguồn thông tin.
- Phát triển năng lực số thành tố **khai thác và đánh giá thông tin số**: học sinh dùng thiết bị kết nối internet để tra cứu thông tin lịch sử, nhận diện đây là lịch sử được nhận

thức, và áp dụng tiêu chí đánh giá nguồn số cơ bản.

b) Nội dung:

GV giao nhiệm vụ tích hợp năng lực số, liên hệ thực tế cuộc sống của học sinh:

- HS dùng điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng có kết nối internet tra cứu nhanh (trong 2 phút) một sự kiện lịch sử Việt Nam tự chọn trên môi trường mạng.
- HS quan sát và đặt câu hỏi phê phán: nguồn thông tin đó do ai viết, thuộc tổ chức nào, có dẫn sử liệu không, được đăng khi nào.
- HS điền vào phiếu nhanh 3 dòng: (1) Tên sự kiện lịch sử (đây là lịch sử hiện thực); (2) Tên trang web và tác giả tìm được (đây là lịch sử được nhận thức); (3) Nhận xét sơ bộ về độ tin cậy của nguồn.
- **Công cụ số sử dụng:** Điện thoại thông minh/máy tính bảng kết hợp trình duyệt web; gợi ý trang tham khảo uy tín: Wikipedia tiếng Việt, trang thông tin của Viện Sử học Việt Nam, cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Sản phẩm: Phiếu nhanh 3 dòng của mỗi học sinh, trong đó HS phân biệt rõ sự kiện lịch sử (hiện thực) với thông tin ghi chép về sự kiện đó (nhận thức) và đưa ra nhận xét sơ bộ về độ tin cậy của nguồn số tìm được.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu tình huống: <i>“Hàng ngày các em tiếp xúc với rất nhiều thông tin lịch sử trên mạng xã hội, trang web, YouTube. Làm thế nào để biết thông tin đó đáng tin cậy hay không?”</i> - GV phát phiếu nhanh 3 dòng; yêu cầu HS lấy điện thoại, tự chọn một sự kiện lịch sử và tra cứu trong 2 phút.	- HS hiểu nhiệm vụ; sẵn sàng thiết bị và phiếu nhanh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tự chọn sự kiện lịch sử, gõ từ khoá tìm kiếm và đọc lướt kết quả đầu tiên. - HS ghi vào phiếu: (1) tên sự kiện; (2) tên trang web và tác giả (nếu có); (3) nhận xét về độ tin cậy dựa trên các dấu hiệu: có tác giả không, có dẫn nguồn sử liệu không, trang web thuộc tổ chức nào. - GV đi quan sát, gợi ý HS chú ý phân biệt tên miền chính thống (.edu.vn, .gov.vn) với trang cá nhân.	- HS hoàn thành phiếu nhanh; nhận ra cùng một sự kiện lịch sử có thể tìm thấy nhiều nguồn mô tả khác nhau trên mạng.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - 2–3 HS chia sẻ nhanh: chọn sự kiện gì, tìm ở đâu, đánh giá độ tin cậy thế nào và vì sao. - GV hỏi thêm: <i>“Nếu hai trang web mô tả cùng sự kiện nhưng khác nhau hoàn toàn, em sẽ xử lý thế nào?”</i>	- HS nêu được tiêu chí sơ bộ đánh giá nguồn tin số: uy tín của tổ chức phát hành, tác giả có chuyên môn sử học, có dẫn nguồn sử liệu cụ thể.
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chốt: mọi bài viết, sách sử, phim tài liệu, bài đăng mạng về lịch sử đều là <i>lịch sử được nhận thức</i>; chúng phản ánh lịch sử hiện thực nhưng luôn mang màu sắc chủ quan của tác giả. - GV giao bài về nhà: viết đoạn văn ngắn 5–7 dòng phân biệt lịch sử hiện thực và lịch sử được nhận thức qua một ví dụ cụ thể tự chọn trong cuộc sống.	Thông điệp chốt: Thông tin lịch sử trên internet là <i>lịch sử được nhận thức</i>; nó phản ánh hiện thực nhưng không đồng nhất với hiện thực. Người học sử giỏi là người biết đặt câu hỏi, so sánh nhiều nguồn và kiểm chứng bằng sử liệu tin cậy trước khi chấp nhận bất kỳ thông tin lịch sử nào.

....., ngàythángnăm

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁO VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phúc Hảo